

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 580/2024/HC-PT

Ngày 10 - 10 - 2024

V/v " *kiếu kiện hành vi hành chính
về việc không cung cấp thông tin* "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.
Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;
Ông Trần Quang Minh.
- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Anh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Ngọc,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 282/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2024 về "*kiếu kiện hành vi hành chính về việc không cung cấp thông tin*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11012/2024/QĐPT-HC ngày 23 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1952. Trú tại: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Đào Thị Xuân M, sinh năm 2000 (văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024). Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Đình V và Luật sư Ngô Thị N1- Công ty L; Địa chỉ: Tầng D Tòa nhà H, A T, phường T, quận Đ, Hà Nội. Có mặt luật sư Ngô Thị N1; luật sư Lê Đình V đề nghị xét xử vắng mặt và gửi văn bản trình bày quan điểm bảo vệ quyền lợi cho bà N.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết H, chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đều vắng mặt):**

- Sở N2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá Đ, Phó Giám đốc.

- Công ty TNHH MTV T3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính.

- Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đậu Xuân T1, chức vụ: Phó Chủ tịch và bà Lê Thị Quỳnh H1, chức vụ: Công chức địa chính – xây dựng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị N và của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung:

Bà Nguyễn Thị N và chồng (ông Lương Bá M1, đã mất năm 2004) là chủ sử dụng hợp pháp đối với toàn bộ thửa đất số 225, tờ bản đồ số 4, sổ mục kê theo bản đồ 299 tại thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H.

Năm 1993, gia đình bà N tạm thời bàn giao một phần thửa đất trên cho đại diện Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện N, tỉnh H (theo yêu cầu của UBND huyện N) để làm kênh và sử dụng làm mặt bằng tập kết vật liệu thi công kênh thủy lợi H.

Năm 1997, kênh thủy lợi H hoàn thành và đưa vào sử dụng, bà N nhiều lần yêu cầu UBND xã X và UBND huyện N xác định phần diện tích được sử dụng để làm kênh và trả lại cho gia đình phần diện tích đất nằm ngoài phạm vi kênh H, nhưng nhiều năm nay gia đình bà N vẫn chưa được trả lại đất. Qua quá trình giải quyết đơn thư, bà N biết được đất của gia đình bà N đã được bán cho người khác và hợp thức hóa bằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Để có thông tin, tài liệu xác thực, căn cứ Luật Tiếp cận thông tin, ngày 25/08/2022 và ngày 15/02/2023 bà N có đơn đề nghị gửi đến UBND huyện N về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến thửa đất của gia đình bà N từ thời điểm tạm thời bàn giao cho đại diện UBND huyện N đến nay. Tuy nhiên, đã quá thời hạn cung cấp thông tin bà N vẫn không nhận được bất cứ phản hồi nào.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc UBND huyện N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH một thành viên T3, Sở N2, UBND xã X cung cấp cho bà đầy đủ các thông tin, tài liệu theo nội dung đơn yêu cầu cung cấp thông tin ngày 25/8/2022, ngày 15/02/2023, cụ thể:

1. Hồ sơ xin giao đất để xây dựng kênh thủy lợi H;
2. Tài liệu về lập, phê duyệt dự án xây dựng kênh thủy lợi H; Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho nhà đầu tư thực hiện dự án;

3. Thông tin về chủ đầu tư được giao thực hiện xây dựng kênh thủy lợi; thông tin về nguồn vốn được phân bổ cho dự án;
4. Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng dự án kênh thủy lợi H được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
5. Bản đồ quy hoạch tổng thể và bản đồ giải phóng mặt bằng của dự án xây dựng kênh thủy lợi H được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
6. Tài liệu xác định phạm vi, vị trí, diện tích đất tại xã X được sử dụng để xây dựng kênh thủy lợi H;
7. Trích lục bản đồ địa chính có phần diện tích đất của kênh thủy lợi H tại thôn H, xã X được phát hành gần đây nhất;
8. Hồ sơ thu hồi đất, đền bù thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị N;
9. Các tài liệu khác có liên quan đến dự án xây dựng kênh thủy lợi H;
10. Công tác quản lý, sử dụng đất đối với thửa đất 255 tờ bản đồ số 4, bản đồ 299 từ khi bà N tạm thời bàn giao đất đến nay;
11. Có hay không việc xã X cho xóm H bán đất của bà N? Nếu có thì cung cấp hồ sơ và căn cứ để xã cho xóm bán đất, quyết định bán đất, ai là người cho phép xóm bán đất và ở xóm ai đã bán đất và ai đã nhận tiền, hồ sơ bán đất và biên lai thu tiền ở đâu;
12. Các cơ quan, tổ chức quản lý kênh thủy lợi H qua các thời kỳ từ khi khởi công xây dựng cho đến nay và hồ sơ liên quan đến hoạt động khai thác, quản lý và sử dụng kênh thủy lợi H;
13. Diện tích đất của bà Nguyễn Thị N được sử dụng để làm kênh thủy lợi là bao nhiêu mét vuông (m²) và cung cấp sơ đồ kênh thủy lợi H đoạn qua thửa 225 của bà N;
14. Diện tích đất còn lại của bà nằm ngoài kênh T là bao nhiêu mét vuông ? Nay do cá nhân, cơ quan, tổ chức nào đang quản lý, sử dụng ? Căn cứ, hồ sơ và thời điểm các cá nhân, cơ quan, tổ chức đó quản lý, sử dụng các thửa đất trên;
15. Hồ sơ chứng minh ông Lương Bá T2 đã mua đất của bà Nguyễn Thị N do xóm bán.

UBND huyện N trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện:

Các thông tin mà người khởi kiện yêu cầu **UBND huyện N** cung cấp thông tin tại đơn đề nghị cung cấp thông tin viết ngày 25/8/2022, 15/02/2023 không do UBND huyện tạo ra, một số nội dung được trả lời và có hướng dẫn thực hiện và một số yêu cầu không thuộc nội dung cung cấp thông tin (và không thuộc thẩm quyền của UBND huyện).

Sau khi nhận được đơn đề nghị cung cấp thông tin, UBND huyện giao các phòng, ngành soát xét hồ sơ và ban hành văn bản số 1048/UBND-NN ngày

17/6/2021 và Văn bản số 1684/UBND-NN ngày 09/9/2022 của UBND huyện đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH một thành viên T3 cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình kênh L. Qua ý kiến trả lời của các cơ quan nêu trên tại văn bản số 188/TLBHT-QLKT ngày 23/6/2021 của Công ty TNHH một thành viên T3 và văn bản số 1852/SNN-TTr ngày 15/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thể hiện Công trình kênh thủy lợi H được triển khai từ thời tỉnh Nghệ Tĩnh khoảng năm 1989, đến năm 1991, tỉnh Nghệ Tĩnh được tách ra thành 2 tỉnh Nghệ An và H; sau khi tách tỉnh, nhiều lần chia tách, sáp nhập các đơn vị, hồ sơ bị thất lạc; hiện tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty TNHH một thành viên T3 không có hồ sơ, tài liệu công trình kênh L. Do vậy, UBND huyện N đã chuyển thông tin cho công dân.

Vì vậy, UBND huyện N không chấp nhận nội dung khiếu kiện của bà Nguyễn Thị N.

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh N2 trình bày:

Sở N2 nhận được văn bản số 120/2022/CV-MT ngày 24/8/2022 của Công ty L và Văn bản số 1684/UBND-TN ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến việc xây dựng kênh thủy lợi H. Sở N2 đã có Văn bản số 1795/SNN-TTr ngày 09/9/2022 và Văn bản số 1852/SNN-TTr ngày 15/9/2022 trả lời các đơn vị trên, trong đó nêu rõ: Hiện nay, tại Sở N2 không có các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng kênh thủy lợi H.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận nội dung khiếu kiện của bà Nguyễn Thị N.

Công ty TNHH MTV T3 trình bày:

Hiện nay, Công ty TNHH một thành viên T3 không có bất kỳ một hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến quá trình xây dựng kênh L. Theo chúng tôi tìm hiểu, được biết, kênh thủy lợi H được xây dựng từ khoảng những năm 1990; đơn vị quản lý, vận hành công trình tại thời điểm đó là Xí nghiệp T4, nhưng không rõ ai là Chủ đầu tư. Năm 2004, Xí nghiệp T4 sáp nhập với Thủy lợi Hồng Lĩnh thành Công ty K (sau đó đổi tên thành Công ty TNHH MTV K). Năm 2012, Công ty TNHH MTV K lại sáp nhập với các Công ty TNHH MTV : C, H thành Công ty TNHH một thành viên T3. Sau nhiều lần sáp nhập, quá trình giao, nhận hồ sơ đều không có bàn giao tài liệu nào liên quan đến hồ sơ xây dựng kênh H; những cán bộ từng công tác tại Xí nghiệp T4 thời kỳ xây dựng kênh H đều đã nghỉ hưu, có người đã mất và hiện nay không có ai đang công tác tại Công ty TNHH một thành viên T3, vì vậy Công ty không biết thêm thông tin gì quá trình xây dựng kênh L.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận nội dung khiếu kiện của bà Nguyễn Thị N.

UBND xã X trình bày:

Thời gian qua, bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn H, xã X nhiều lần có ý kiến với UBND xã X và UBND huyện N về việc giai đoạn năm 1994, khi Nhà nước

thực hiện làm kênh mương H đã lấy đất của một số hộ gia đình đang sử dụng trong đó có thửa đất của gia đình bà. Đồng thời đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp GCN QSD đất đối với phần diện tích đó vì kênh mương không hoạt động. Mặc dù, UBND xã X đã nhiều lần trao đổi, đối thoại và trả lời bằng văn bản để bà Nguyễn Thị N được rõ về việc không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất, tuy nhiên bà vẫn không đồng tình. Chính vì vậy, để củng cố hồ sơ cho việc tiếp tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích trên, bà Nguyễn Thị N đề nghị UBND xã X, UBND huyện N cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thi công tuyến kênh mương H.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là không có cơ sở.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 23/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 9; điểm d khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp cận thông tin xử: Không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc: Buộc UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên T3; Sở N2; UBND xã X, huyện N, tỉnh H cung cấp cho bà Nguyễn Thị N đầy đủ các thông tin tài liệu theo nội dung đơn yêu cầu cung cấp thông tin ngày 25/8/2022 và ngày 15/02/2023.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2024, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo. Luật sư Ngô Thị N1 trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị N, sau khi phân tích các quy định của pháp luật và nội dung vụ án, cho rằng bản án sơ thẩm đã không xem xét toàn diện các yêu cầu cung cấp thông tin của bà N, nhận định không khách quan về trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND huyện N; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án, sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện của bà N và quy định của pháp luật áp dụng, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra

chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết vụ án hành chính đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N:

[2.1] Theo bà Nguyễn Thị N trình bày: gia đình bà là chủ sử dụng đôi với toàn bộ thửa đất số 225, tờ bản đồ số 4, sổ mục kê theo bản đồ 299 tại thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H. Năm 1992, UBND huyện N thông báo (bằng miệng) yêu cầu các hộ dân (trong đó có gia đình bà) tạm thời bàn giao đất để làm kênh, sử dụng làm mặt bằng tập kết vật liệu thi công kênh thủy lợi H. Chưa xác định được diện tích đất cụ thể làm kênh, nhưng UBND đã yêu cầu các hộ tạm thời bàn giao đất làm kênh và cũng đã tạm giao cho mỗi hộ 500 m² đất tại vị trí khác để ở trong thời gian chờ đợi quyết định chính thức. Do vậy, năm 1993, gia đình bà tạm thời bàn giao thửa đất cho đại diện UBND huyện N.

Năm 1997 kênh thủy lợi H đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, bà có yêu cầu UBND xã X và UBND huyện N xác định cụ thể phần diện tích đã được sử dụng để làm kênh và trả lại cho bà phần diện tích đất nằm ngoài phạm vi kênh H, nhưng nhiều năm vẫn chưa được trả lại đất. Đến nay bà N được biết phần đất còn lại sau khi làm kênh của bà và chồng là ông Lương Bá M1 đã được bán cho người khác và hợp thức hóa bằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà N xác nhận UBND huyện cấp GCNQSD cho ông Lương Bá T2 là anh ruột ông M1).

Để có thông tin, tài liệu xác thực, căn cứ Luật Tiếp cận thông tin, ngày 25/8/2022 và ngày 15/2/2023 bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị gửi đến UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh về việc yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến thửa đất của gia đình bà từ sau khi tạm thời bàn giao cho đại diện UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đến nay.

[2.2] Đối với các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình kênh thủy lợi H: Sau khi có đơn yêu cầu cung cấp thông tin của bà Nguyễn Thị N, UBND huyện N đã ban hành văn bản yêu cầu các đơn vị liên quan Dự án Kênh thủy lợi H (xí nghiệp T4 - nay là công ty TNHH một thành viên T3, Sở N2 và UBND xã X, huyện N) để yêu cầu các đơn vị này cung cấp hồ sơ, tài liệu.

Các văn bản trả lời của các đơn vị liên quan trên cho thấy Công trình kênh thủy lợi H được triển khai thực hiện từ thời tỉnh Nghệ Tĩnh (khoảng năm 1989) và do xí nghiệp T4 là đơn vị quản lý khai thác công trình. Năm 1991, tỉnh Nghệ Tĩnh được tách thành hai tỉnh là Nghệ An và H. Sau khi tách tỉnh, nhiều lần chia tách sáp nhập các đơn vị, hồ sơ bị thất lạc. Hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty TNHH một thành viên T3 không còn hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình kênh thủy lợi H để cung cấp theo yêu cầu của UBND huyện N và của Công ty TNHH L (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị

N). Ngày 12/10/2022, UBND huyện N ban hành văn bản số 1990/UBND-VP về việc trả lời công ty L với nội dung đối với yêu cầu cung cấp hồ sơ tài liệu đất đai hướng dẫn đến Trung tâm hành chính C (qua văn phòng Đ1 chi nhánh N3);

UBND huyện không có hồ sơ tài liệu liên quan đến kênh thủy lợi H mà bà N yêu cầu để cung cấp cho bà. Ngày 26/10/2022, UBND huyện N ban hành văn bản số 2116/UBND-TNMT về việc trả lời nội dung kiến nghị của công dân thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H (trong đó có bà Nguyễn Thị H3 – người đại diện theo uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị N), nội dung vụ việc tố cáo về đất đai của công dân H4 đã được các cấp thẩm quyền từ xã X, huyện N, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, UBND tỉnh trả lời và giải quyết đúng chính sách pháp luật, đảm bảo trình tự theo quy định, nay các công dân tiếp tục kiến nghị các nội dung đã được giải quyết nhưng không có tài liệu chứng cứ bằng chứng mới làm thay đổi kết quả giải quyết nên đơn kiến nghị của bà H3 không đủ điều kiện xem xét xử lý.

Với các nội dung nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định yêu cầu của người khởi kiện (về việc cung cấp tài liệu thông tin dự án Kênh T) không phải do UBND huyện N tạo ra và UBND huyện không có hồ sơ lưu trữ; căn cứ quy định về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm g, Điều 9 Luật tiếp cận thông tin, xác định UBND huyện N không có để cung cấp thông tin cho bà Nguyễn Thị N, từ đó không chấp nhận các yêu cầu này của bà N, là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu khác về việc cung cấp các thông tin liên quan đến thửa đất 225 tờ bản đồ số 4, bản đồ 299 từ khi gia đình bà N bàn giao đất đến nay:

UBND huyện N đã hướng dẫn bà N đến Trung tâm hành chính công huyện (qua văn phòng Đ1 chi nhánh N3) là đúng quy định tại Điều 15 Thông tư 34/2014/TT-BTNMT của Bộ T5. Liên quan đến thửa đất này, UBND xã X đã nhiều lần đối thoại và trả lời bằng văn bản cho bà Nguyễn Thị N được rõ về việc bà không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 4, sổ mục kê theo bản đồ 299 tại thôn H, xã X, huyện N, tỉnh H.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, là có cơ sở.

[3] Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

[4] Bà Nguyễn Thị N thuộc đối tượng được miễn và đã có đơn xin miễn, nên đủ điều kiện được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà **Nguyễn Thị N**, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà **Nguyễn Thị N**.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/10/2024.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương